

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+RP2+RC3	7:25	13+5+0	0+0+0		11+8+3	0+0+0	chuyen 2 rp2-rc3
2		PVD8+TD2+P11	7:25	17+2+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	
3		RC5+MRM	9:25	4+14	0+0		4+18	0+0	
4		P10+PVD8	12:00	17+2	0+0		13+8	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO:MRM - RP2 - RC3	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0451	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUY KHIEM	MRM	591	1	11			75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THOI	MRM	97	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
3	KOROTKOV VICTOR	MRM	44	1	11			125	AMNGR	Russian
4	TSVETKOV OLEG	MRM	92	1	14			109	AMNGR	Russian
5	RULEV SEMEN	MRM	90-91	2	18			111	AMNGR	Russian
6	BEKESHEV TROLBEK	MRM	01-02	2	14			74	AMNGR	Russian
7	TYSYACHNIK ALEXANDR	MRM	94-95	2	16			88	AMNGR	Russian
8	MANAKOV DENIS	MRM	88-89	2	20	1	10	89	AMNGR	Russian
9	SHPILEVOI KIRILL	MRM	04-05	2	20			100	A,NGR	Russian
10	ZHURAVLEV ANATOLII	MRM	03	1	12			81	AMNGR	Russian
11	KARNIUKHIN VITALII	MRM	96	1	16			70	AMNGR	Russian
12	NGUYEN VAN DUNG	MRM	06	1	6			58	AMNGR	Vietnamese
13	LE NGUYEN THANH MINH	MRM	93	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
14	VU MINH ĐỨC	RP2	48-49	2	17	5	70	93	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN NGHI	RP2	46-47	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN THANH	RP2	45	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO MINH THUẬN	RP2	43-44	2	14			81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK		
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO			
				PCS	WT					
1	MRM	13	1.127	18	176	1	10	11		
2	RP2	4	318	7	53	5	70	8	1	CHUYEN 1TU RP2 SANG RC3
3	RC3	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		17	1.445	25	229	6	80	22		
WEIGHT KG			1.445		229		80			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - TD2 - P11	CREW: KHOAN - N.ANH - TOAN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/0454	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CAO THE TRONG	PVD8	02-03	2	17	4	49	73	DMC-MI	Vietnamese
2	NGUYEN TAN HIEU	PVD8	07-08	2	11			50	PVD LOGG	Vietnamese
3	HO SY CUONG	PVD8	05-06	2	12			79	PVD LOGG	Vietnamese
4	BAGRAMOV A G	PVD8	96-97	2	19			105	D-HANH	Russian
5	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD8	11	1	6			106	PVD DD	British
6	NGUYEN VAN HUAN	PVD8	15	1	8			80	PVD DD	Vietnamese
7	IAN CRAIG BREETON	PVD8	12	1	11			97	PVD DD	British
8	TO BUU DAN	PVD8	13	1	9			69	INTL.SOS	Vietnamese
9	DOAN VAN CONG	PVD8	09	1	9			61	PVD OFFSH	Vietnamese
10	PHAM TRONG HUNG	PVD8	14	1	6			74	PVD OFFSH	Vietnamese
11	NGUYEN HUU THANH	PVD8	99	1	8			60	PSV	Vietnamese
12	LUU PHUC DU	PVD8	16	1	4			84	PSV	Vietnamese
13	LE VAN PHUONG	PVD8	10	1	4			71	PVD OFFSH	Vietnamese
14	DOAN VAN TRUONG	PVD8	900	1	5			72	PVD OFFSH	Vietnamese
15	PHAM MINH THANG	PVD8	04	1	7			72	PVD OFFSH	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUONG	PVD8	98	1	9			66	PVD OFFSH	Vietnamese
17	LE TAN TINH	PVD8	95	1	7			65	PVD OFFSH	Vietnamese
18	LE THANH THAI	TD2	21	1	13			100	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THE DUNG	TD2	22	1	10			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.284	21	152	4	49	20		
2	TD2	2	167	2	23	0	0	0		
3	P11	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		19	1.451	23	175	4	49	22		
WEIGHT KG			1.451		175		49			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI THU HUONG

CREW

DO XUAN HOAN
NGHIEM VIET ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: RC5 - MRM	CREW: DUONG - N.CUONG - HIEU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/0452	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HÔ NGỌC BÈN	RC5	49	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH LUÂN	RC5	52	1	10			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TRUNG	RC5	50	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
4	TẠ HỒNG QUÂN	RC5	51	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN QUYẾT	MRM	08	1	10			89	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	07	1	10			59	DVL	Vietnamese
7	BUI BẠCH DƯƠNG	MRM	92	1	16			71	DVL	Vietnamese
8	BULGANIN DANIL	MRM	11	1	16			96	AMNGR	Russian
9	BREZHNEV ARTEM	MRM	600	1	13			77	AMNGR	Russian
10	SEME NOV VASILII	MRM	09-10	2	13			86	AMNGR	Russian
11	VANEEV ALEKSANDR	MRM	94	1	12			92	AMNGR	Russian
12	ZAKHARENKO VLADIMIR	MRM	96	1	12			91	AMNGR	Russian
13	STEPANOV OLEG	MRM	93	1	5			107	AMNGR	Russian
14	KOVALENKO ARTUR	MRM	98	1	16			83	AMNGR	Russian
15	KRIVOSHEEV MAKSIM	MRM	99	1	20			92	AMNGR	Russian
16	SAVELEV NIKITA	MRM	95	1	17			99	AMNGR	Russian
17	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	97	1	11			131	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	4	277	4	50	0	0	0	4	
2	MRM	13	1.173	14	171	0	0	0	18	
TOTAL		17	1.450	18	221	0	0	0	22	
WEIGHT KG			1.450		221		0			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: P10 - PVD8	CREW: VTHANG - MTHAO - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/0453	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN QUYEN	P10	87	1	11	5	84	68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUONG	P10	80	1	10			56	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN XUAN MANH	P10	93	1	15			100	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUC	P10	98	1	15			95	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LOC	P10	70	1	12			61	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI TRUNG DUONG	P10	88	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
7	DAO HAI TUNG	P10	85	1	13			78	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI DINH THU	P10	79	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGA	P10	86	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN MINH	P10	94-95	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HUU THIEN	P10	96	1	8	1	14	62	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG PHAM DAI	P10	71-72	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN XUAN TUC	P10	91-92	2	19			53	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NAM	P10	89-90	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
15	LE HUU CUONG	P10	81-82	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG MANH CUONG	P10	74	1	12	1	10	68	XAY LAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THANH TRUONG	P10	83	1	10	1	13	74	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VAN MINH	PVD8	22	1	7	3	18	68	PVD OFFSH	Vietnamese
19	HOANG CONG THANG	PVD8	21	1	5	2	19	62	PVD OFFSH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	17	1.197	22	231	8	121	13		
2	PVD8	2	130	2	12	5	37	8		
TOTAL		19	1.327	24	243	13	158	21		
WEIGHT KG			1.327		243		158			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO